

Nâng cao năng lực chuyển đổi số của giảng viên trong quá trình đổi mới phương pháp giảng dạy tại cơ sở giáo dục đại học

Lê Kiên Thành*, Lê Thuỵ Lam **

*ThS. Bộ môn Toán, khoa Sư phạm, Trường Đại học An Giang

** ThS. Bộ môn Tài chính – Kế toán, khoa KT-QTKD, trường Đại học An Giang.

Received: 29/01/2024; Accepted: 06/02/2024; Published: 07/02/2024

Abstract: Higher education institutions are pioneers in government transformation models, because they are places where knowledge and education are concentrated in multi-disciplinary human resources, so improving the teaching, learning, research, management, and service delivery of higher education must be consistent with national goals. The author evaluates the digital transformation capacity of lecturers at Faculty of Economics - Business Administration, An Giang University using a set of indicators to measure digital transformation capacity of the European Framework, research to support university institutions' recognition and propose measures to improve digital transformation capabilities in university teaching.

Keywords: Digital transformation, higher education institutions, digital transformation capacity.

1. Đặt vấn đề

Chúng ta đang sống trong giai đoạn diễn ra cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0 với sự tích hợp các công nghệ kỹ thuật số vào tất cả các lĩnh vực chuyên môn của tổ chức, doanh nghiệp, hay một quốc gia, nhằm thay đổi căn bản cách thức vận hành, quản trị, và cung cấp sản phẩm, dịch vụ.

Dựa trên các thông tin từ Cẩm nang chuyển đổi số cung cấp các khái niệm liên quan đến chuyển đổi số trên thế giới được nhắc đến ở những năm 2015 và trở nên phổ biến hơn vào năm 2017, trong dòng chảy của xu hướng chuyển đổi số, Việt Nam cũng là quốc gia tiếp nhận thay đổi vào những năm 2018. Tuy nhiên, các văn bản liên quan Chương trình chuyển đổi số quốc gia được Chính phủ phê duyệt vào ngày 03/06/2020.

Các cơ sở giáo dục đại học là đơn vị tiên phong trong các mô hình chuyển đổi của chính phủ, do đây là nơi tập trung kiến thức và giáo dục đào tạo các nguồn nhân lực đa lĩnh vực nên việc cải tiến cách thức giảng dạy, học tập, nghiên cứu, quản lý, và cung cấp dịch vụ giáo dục đại học phải để phù hợp với mục tiêu quốc gia. Ngoài các mục tiêu vĩ mô thì chuyển đổi số trong phương pháp giảng dạy đại học cũng đem lại rất nhiều lợi ích cho cơ sở giáo dục đại học như tăng cường chất lượng giảng dạy và học tập, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, giảm chi phí và mở rộng khả năng tiếp cận.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Theo tác giả Christine Redecker xuất bản quyền European Framework for the Digital Competence of Educators DigCompEdu năm 2017 được phiên dịch bởi Lê Trung Nghĩa hoàn thành vào năm 2020 nghiên cứu khung đánh giá năng lực số dành cho các nhà giáo dục bao gồm 6 chỉ tiêu tham gia chuyên nghiệp, tài nguyên số, dạy và học, đánh giá, trao quyền cho người học, tạo thuận lợi cho năng lực số của người học.

Ở mỗi tiêu chí tác giả sẽ diễn giải các mức độ đánh giá chi tiết, tuy nhiên trong phần nghiên cứu này, chúng tôi chỉ lựa chọn tìm hiểu và tổng hợp thông tin của tiêu chí liên quan trực tiếp nhất và dễ dàng thu thập thông tin nhất đối với người dạy và người học đó là tiêu chí dạy và học nên phần này chỉ trích dẫn phần lý thuyết của tiêu chí này bao gồm:

Hoạt động hướng dẫn người học

Sử dụng các công nghệ và các thiết bị số để cải thiện tương tác với những người học, một cách cá nhân và tập thể, bên trong và bên ngoài phiên học. Sử dụng các công nghệ số để chào đón lúc và hướng dẫn và trợ giúp có chủ đích. Thử nghiệm và phát triển các mẫu dạng và các định dạng mới để chào hướng dẫn và hỗ trợ.

Hoạt động học tập cộng tác

Sử dụng các công nghệ số để thúc đẩy và cải thiện sự cộng tác của người học. Xúc tác cho người học để sử dụng các công nghệ số như một phần của các bài tập cộng tác, như là phương tiện để cải thiện giao tiếp, cộng tác và tạo lập tri thức cộng tác.

Hoạt động học tập tự điều chỉnh

Sử dụng các công nghệ số để hỗ trợ các quy trình học tập tự điều chỉnh, như, xúc tác cho những người học để lập kế hoạch, giám sát và suy ngẫm về việc học tập của riêng họ, cung cấp bằng chứng tiến bộ, chia sẻ thấu hiểu và nắm bắt các giải pháp sáng tạo.

Xác định mức độ ứng dụng số vào hoạt động dạy theo các mức độ mô tả theo bảng sau, các hoạt động hướng dẫn, cộng tác, tự điều chỉnh được chấm điểm tương tự như hoạt động dạy.

Mức độ	Diễn giải	Minh chứng
Người dùng mới (A1)	Ít sử dụng các công nghệ số để giảng dạy	Tôi không hoặc rất hiếm khi sử dụng các thiết bị số hoặc nội dung số trong việc giảng dạy của tôi.
Thành thạo (A2)	Sử dụng cơ bản các công nghệ số có sẵn một cách có ý thức để giảng dạy.	Tôi sử dụng các công nghệ lớp học có sẵn như bảng trình chiếu số, máy chiếu, máy tính cá nhân. Tôi chọn các công nghệ số theo mục đích và nội dung học tập.
Kết hợp (B1)	Kết hợp các công nghệ số có sẵn một cách có ý nghĩa vào quy trình giảng dạy	Tôi tổ chức và kết hợp các thiết bị số (như các công nghệ lớp học, các thiết bị của sinh viên) vào quy trình dạy và học. Tôi quản lý sự kết hợp nội dung số, như các video, các hoạt động tương tác, vào quy trình dạy và học.
Chuyên gia (B2)	Sử dụng các công nghệ số có mục đích để cải thiện các chiến lược sư phạm.	Tôi xem xét các thiết lập xã hội và các chế độ tương tác thích hợp khi kết hợp công nghệ số. Tôi sử dụng các công nghệ số trong giảng dạy để gia tăng sự đa dạng phương pháp luận. Tôi thiết lập các giờ học hoặc các tương tác khác trong môi trường số.
Hướng dẫn (C1)	Phân phối, giám sát và tùy chỉnh mềm dẻo sử dụng các công nghệ số để cải thiện các chiến lược sư phạm.	Tôi xây dựng các phiên học sao cho các hoạt động số khác nhau (giảng viên dẫn dắt và người học dẫn dắt) cùng củng cố cho mục đích học tập. Tôi xây dựng và quản lý nội dung, những đóng góp và tương tác trong môi trường số. Tôi liên tục đánh giá tính hiệu quả của các chiến lược giảng dạy số được cải thiện và tương tự điều chỉnh các chiến lược của tôi.
Tiền phong (C2)	Sử dụng các công nghệ số để đổi mới sáng tạo các chiến lược giảng dạy.	Tôi cung cấp các khóa học hoặc các module học tập đầy đủ trong môi trường học tập số. Tôi thử nghiệm và phát triển các định dạng và các phương pháp sư phạm mới để giảng dạy.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Giới thiệu bảng điểm đánh giá năng lực chuyên đổi số trong giảng dạy.

Tự đánh giá năng lực chuyên đổi số chung của giảng viên tại đơn vị thông qua phỏng vấn và lấy ý kiến người học.

Đề xuất các biện pháp nâng cao năng lực chuyên

đổi số cho người dạy.

2.2.2. Phạm vi nghiên cứu

Cơ sở lý luận và xây dựng khung đánh giá năng lực chuyên đổi số trong giảng dạy đại học.

Tự đánh giá cấp độ năng lực chuyên đổi số tại đơn vị nghiên cứu.

2.2.3. Đối tượng nghiên cứu

Giảng viên và sinh viên đang giảng dạy tại khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, trường Đại học An Giang.

2.2.4. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên bộ khung đánh giá đã nêu về mức độ thường xuyên ứng dụng công nghệ thông tin, phỏng vấn hoặc dự giờ giảng viên để chấm điểm.

Xây dựng các câu hỏi phỏng vấn có/không.

Đọc báo cáo tự đánh giá gần nhất của trường để thu thập minh chứng chung.

Tổng hợp minh chứng đưa vào bảng đánh giá.

2.2.5. Kết quả

TIÊU CHÍ Dạy và học	Mức (A1-C2)	Minh chứng
Dạy	B2 – 4	Dạy học Elearning, I-office (upload bài học, bài tập, bài kiểm tra, điểm danh bằng QR Code) Lập nhóm trên các trang mạng xã hội (facebook, Zalo,...) Dùng công nghệ mô phỏng tình huống
Hướng dẫn	C1 – 5	Phần mềm quản lý SV (dịch vụ công của SV) Tourguide online (trang chủ - web trường) Những câu hỏi thường gặp (FAQS)
Học cộng tác	C1 – 5	Học nhóm tại nhà thông qua các ứng dụng phòng học trực tuyến google meet, Zoom.
Học tự điều chỉnh	B2 – 4	Quay video upload lên để đánh giá quá trình tiến bộ (e-portfolio)
Kết quả	B2	(4 + 5 + 5 + 4) = 4.5

3. Kết luận và kiến nghị

3.1. Kết luận

Dựa vào kết quả tự đánh giá, ta thấy khung năng lực số của giảng viên tại khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, trường Đại học An Giang về năng lực ứng dụng chuyên đổi số trong hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá đều đang đạt mức B2 tương ứng với cấp độ chuyên gia. Điều này có nghĩa là về công tác giảng dạy, giảng viên đã chủ động tìm hiểu và quản lý các mô hình số phục vụ cho các mục tiêu dạy học và đánh giá.

Nhìn chung, lợi ích của việc ứng dụng các ứng dụng số vào công tác hỗ trợ giảm bớt khối lượng công việc cho giảng viên, nâng cao năng lực tự học cho sinh viên, các tiện ích khi quản lý, theo dõi và quan sát tiến trình học tập của người học với đặc thù

(Xem tiếp trang 208)

tập thông qua việc sử dụng thông tin. Ngoài ra, trường Đại học Hà Nội còn thúc đẩy năng lực số của các chủ thể theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Thông tin và Truyền thông tháng 03 năm 2014 về việc Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, áp dụng cho tất cả các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia trực tiếp hoặc có liên quan đến hoạt động đánh giá kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong cả nước. Bộ chuẩn theo Thông tư này xác định hai bậc trình độ: Bậc cơ bản gồm sáu module được mã hóa từ IU01 đến IU06; và bậc nâng cao gồm chín module được mã hóa từ IU07 đến IU15. Mỗi cá nhân muốn đạt chuẩn ở trình độ cơ bản phải đáp ứng yêu cầu của tất cả các module IU01-IU06. Trình độ nâng cao yêu cầu phải đạt trình độ cơ bản và ít nhất ba trong số các module IU07-IU15. Việc ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn nhằm tạo nên năng lực số cho các chủ thể

không chỉ tạo ra phương pháp, cách thức mới mà còn thúc đẩy quá trình ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số ở trường Đại học Hà Nội nhanh chóng, hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng, uy tín, vị thế của nhà trường trong giáo dục đào tạo hiện nay./.

Tài liệu tham khảo:

1. UNESCO, *A Global Framework of Reference on Digital Literacy Skills for Indicator 4.4.2*, <http://bit.ly/3RcVPk9>.

2. Microsoft, *Digital Literacy - Frequently asked questions*, <https://www.microsoft.com/en-us/digital-literacy>.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông, *Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin* <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=17285>, truy cập ngày 21/5/2023.

Nâng cao năng lực chuyển đổi số của giảng viên... (tiếp theo trang 205)

các lớp học tại khoa Kinh tế có số lượng khá đông từ 70 sinh viên cho 1 lớp nên nếu giảng viên dạy theo phương pháp truyền thống thì khó đảm bảo được hiệu quả đối với các mục tiêu đặt ra của học phần.

Tuy nhiên, đối với các câu hỏi có/không khi thu thập dữ liệu phân tích sẽ không tính được mật độ và tính liên tục của việc giảng viên ứng dụng số chuyển đổi số vào công tác giảng dạy. Mặt khác, các ứng dụng được sử dụng có tính năng thông dụng và đơn giản, phổ biến đối với nhiều đối tượng người học nên hầu như cơ hội để cập nhật một số ứng dụng mới hoặc nền tảng mới có tỷ lệ rất thấp. Giả sử, đa phần giảng viên sử dụng Microsoft PowerPoint cho việc thiết kế bài giảng và trình chiếu trong khi các ứng dụng trình chiếu như Prezi, Google Slide ... chiếm thị phần rất nhỏ đối với giảng viên khoa kinh tế hiện nay. Có thể thấy, với khối lượng công việc lớn nhưng sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin đôi khi làm cho người dạy không bắt kịp được sự thay đổi chung.

3.2. Kiến nghị

Đối với một mục tiêu lớn như thực hiện cách mạng công nghiệp 4.0 toàn diện mà các cơ sở giáo dục đại học lại đi đầu trở thành lực lượng chính trong giai đoạn đầu chuyển đổi số đòi hỏi các cơ sở giáo dục phải có chiến lược phân với các mục tiêu ứng với từng giai đoạn cụ thể. Nghiên cứu quy trình triển khai toàn diện, thống nhất, đồng bộ và có sự giám sát, phản hồi, phát huy ưu điểm và ghi nhận, khắc phục khó khăn trong quá trình thực hiện.

Vấn đề bản quyền phần lớn cản trở việc người dùng tiếp cận tài nguyên số, vì thế, trung tâm tin học hoặc các bộ phận công nghệ thông tin cần thương lượng với phía đối tác và truyền thông mạnh mẽ giới thiệu các ứng dụng đã mua được quyền sử dụng. Khuyến khích giảng viên tham gia ngày hội số, tăng sự tương tác giới thiệu phần mềm, chương trình hoặc dùng thử các ứng dụng tiện ích trong không gian nội bộ. Đẩy mạnh nghiên cứu viết chương trình hỗ trợ công tác giảng dạy, công tác kiểm tra, đánh giá và công tác quản lý sinh viên, quản lý công việc, quản lý thu chi cá nhân, thu chi nhỏ lẻ dành cho các cấp nhỏ lẻ như lớp học, đoàn thanh niên, các câu lạc bộ ...

Đối với nhà trường và cấp quản lý tổ chức tập huấn thường xuyên các chương trình chuyển đổi số, liên kết với các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ xây dựng các lớp học về cập nhật các xu hướng, các ứng dụng dạy học cho giảng viên, thay đổi cách truyền đạt bằng các hoạt động di chuyển, tìm hiểu, khám phá, mô phỏng...

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). Quyết định Ban hành Bộ chỉ số, Tiêu chí đánh giá chuyển đổi số cơ sở giáo dục đại học (Số 4740/QĐ-BGDĐT).

2. Christine Redecker. (2017). European Framework for the Digital Competence of Educators DigCompEdu. EC. DOI publications.jrc.ec.europa.eu.

3. Báo cáo tự đánh giá. (2023). Trường Đại học An Giang.